

Số 313/QĐ - CĐCNMTTHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành quy định đào tạo theo học chế tín chỉ

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
– DỆT MAY THỜI TRANG HÀ NỘI**

- Căn cứ quyết định số 4980/QĐ - BGD&ĐT ngày 06-09-2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp – Dệt may Thời trang Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật May và Thời trang I;
- Căn cứ quyết định số 3132/QĐ - BCN ngày 05-10-2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp – Dệt may Thời trang Hà Nội;
- Căn cứ Thông số 14/2009/TT-BGD&ĐT ngày 10-07-2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường Cao đẳng;
- Căn cứ quyết định 17/VBHD - BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng đào tạo ngày 09/5/2014;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này quy định đào tạo theo học chế tín chỉ.

Điều 2: Quy định đào tạo theo học chế tín chỉ được áp dụng đào tạo trình độ Cao đẳng tuyển sinh từ năm 2014.

Điều 3: Các phòng, khoa, trung tâm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐT.



Nguyễn Văn Hoàn

QUY ĐỊNH

Đào tạo cao đẳng theo học chế tín chỉ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 393 /QĐ-CĐCNDMTTHN
ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp-
Dệt may Thời trang Hà Nội)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định đào tạo cao đẳng theo học chế tín chỉ của trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội, bao gồm các nội dung về: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội từ khoá tuyển sinh 2014.

Điều 2. Chương trình đào tạo cao đẳng

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện trình độ đào tạo, đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp, mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp, khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập, kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế (tiến trình đào tạo), phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình.
2. Chương trình được các khoa của trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội xây dựng trên cơ sở các chuẩn chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu ngành chính - ngành phụ; kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.
3. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần,

giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội ký ban hành các chương trình với khối lượng không dưới 90 tín chỉ cho khóa cao đẳng 3 năm và không dưới 60 tín chỉ cho khóa cao đẳng 2 năm, để triển khai thực hiện trong trường.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức, kỹ năng tương đối hoàn chỉnh, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức, kỹ năng trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng của trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội.

2. Có ba loại học phần: học phần bắt buộc, học phần cốt lõi và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần cốt lõi là học phần bắt buộc có ý nghĩa tiên quyết đối với các học phần thuộc ngành đào tạo chính trong một chương trình. Các học phần cốt lõi được bố trí chủ yếu trong 5 học kỳ đầu của chương trình cao đẳng 3 năm.

c) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung cần thiết, nhưng sinh viên được lựa chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng lao động học tập của sinh viên. Một Tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 hoặc 45 tiết thực hành, thí nghiệm, phụ đạo hoặc thảo luận; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45-60 giờ làm tiểu luận/đồ án học phần, hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, phụ đạo hoặc thảo luận, ngoài số tiết học trên lớp sinh viên còn cần được giao thêm công việc để bảo đảm sao cho mỗi tín chỉ phải tương ứng với ít nhất 45 tiết hoặc giờ làm việc.

Số tiết, số giờ đối với từng học phần cụ thể phải được ghi trong Chương trình, Đề cương chi tiết học phần và trong Sổ tay sinh viên.

4. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường cho hệ chính quy được tính từ 7 giờ đến 22 giờ hàng ngày, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Trường phòng đào tạo sắp xếp thời khoá biểu cho toàn trường căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học cho mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Tổng số tín chỉ của những học phần bị điểm dưới 4 tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học là điểm trung bình có trọng số của các học phần tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Điều 6. Hệ thống cố vấn học tập

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hệ thống cố vấn học tập của trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội để bảo đảm công tác quản lý và tư vấn cho tất cả sinh viên trong trường.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 7. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.
 - a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tuỳ thuộc chương trình, khoá học được thiết kế như sau: Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện ba năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; một năm rưỡi đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Tùy điều kiện cụ thể, trường có thể tổ chức thêm kỳ học hè để tạo điều kiện cho sinh viên được học lại, học bù hoặc học vượt. Kỳ học hè có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức, kỹ năng tối thiểu quy định cho các chương trình, Trường phòng đào tạo dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình là thời gian thiết kế cho khóa học cộng với thời gian tạm ngừng tiến độ học tối đa được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 và khoản 2 Điều 15 của Quy định này.

Trong một số trường hợp cụ thể, Hiệu trưởng có thể quyết định kéo dài thời gian tối đa hoàn thành chương trình nhưng không được vượt quá 2 lần thời gian thiết kế cho chương trình đó trên cơ sở đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

Điều 8. Đăng ký nhập học

1. Khi vào học các khóa học theo học chế tín chỉ, sinh viên phải nộp cho nhà trường các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ trên phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do nhà trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:

a) Thẻ sinh viên, Sổ tay sinh viên (Phòng công tác học sinh – sinh viên cấp);

b) Phiếu đăng ký học tập (mẫu số 43.1, do Khoa/TT phụ trách lớp cấp).

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và dự kiến kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 9. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Trường Cao đẳng Công nghiệp - Dệt may Thời trang Hà Nội xác định điểm trúng tuyển chung cho tất cả các ngành đào tạo của trường, theo Quyết định hàng năm của Hội đồng tuyển sinh.

2. Căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và số học phần cốt lõi có trong mỗi chương trình, phòng đào tạo sắp xếp sinh viên trúng tuyển vào các lớp học ổn định.

Điều 10. Tổ chức lớp học

Lớp học của sinh viên được tổ chức dưới hai hình thức:

- Lớp học ổn định được tổ chức theo nhóm các học phần cốt lõi của từng chương trình ở mỗi học kỳ (Học phần cốt lõi được xác định trong tiến độ học tập của từng học kỳ).

- Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần không phải cốt lõi hoặc học phần cốt lõi dạy ở kỳ học hè, dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học độc lập được quy định như sau: 40 sinh viên đối với các học phần giáo dục đại cương, học phần cơ sở ngành, ngành và bổ trợ; 30 sinh viên đối với những học phần chuyên ngành. Trừ một số trường hợp cụ thể được Hiệu trưởng chấp thuận, nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên có thể đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp

Điều 11. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần cốt lõi, bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết các học phần, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất bảy tuần trường công bố Sổ tay sinh viên (có mẫu riêng), trong đó quy định thời khoá biểu của các lớp học ổn định theo nhóm học phần cốt lõi và các lớp học độc lập theo từng học phần riêng biệt, thời gian biểu đăng ký học và lịch trình thi kết thúc học phần.

Trừ một số trường hợp ngoại lệ được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên hệ chính quy bắt buộc phải tham dự đầy đủ các học phần ở lớp học ổn định của mình. Ngoài ra, căn cứ vào Sổ tay sinh viên, từng sinh viên nếu muốn học theo đúng tiến độ còn phải đăng ký học bổ sung các học phần không phải cốt lõi, cũng như các học phần cốt lõi khác (nếu muốn học sớm hoặc học lại) với phòng đào tạo của trường để bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu như quy định tại khoản 3 của điều này. Sinh viên hệ vừa làm vừa học không nhất thiết phải đăng ký đầy đủ các học phần của lớp học ổn định.

Có 2 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 6 tuần;

b) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trước 4 tuần của học kỳ chính và học kỳ hè. Hình thức đăng ký muộn chỉ áp dụng cho sinh viên đăng ký không thành công trong lần thứ nhất, phải đăng ký lại, sinh viên muốn học bổ sung trong học kỳ hè và một số trường hợp đặc biệt được Trường phòng Đào tạo cho phép.

3. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên hệ chính quy phải đăng ký trong mỗi học kỳ để bảo đảm duy trì đúng tiến độ của khóa học tối thiểu là 14 tín chỉ, tối đa là 20 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khóa học. Sinh viên hệ vừa làm vừa học được đăng ký tối thiểu 6 tín chỉ ở mỗi học kỳ.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và tiến trình học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Quy trình đăng ký học phần (theo phụ lục 1)

5. Phòng đào tạo của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ qua Cố vấn học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ được ghi vào biểu đăng ký học do phòng đào tạo của trường lưu giữ (mẫu 43.2).

6. Nguyên tắc, mức thu học phí và quy trình thu học phí đối với các lớp áp dụng phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ như sau:

a. Nguyên tắc: Tổng thu học phí các tín chỉ trong ngành học chính của sinh viên không được vượt quá mức thu theo quy định của Chính phủ.

b. Học phí đào tạo theo tín chỉ: Mức thu học phí của một tín chỉ được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của năm học theo nhóm ngành đào tạo và số tín chỉ phải học trong năm học.

Cách tính học phí đào tạo tín chỉ cho một năm học:

$$\text{Học phí} = \frac{\text{Tổng học phí năm học}}{\text{Tổng số tín chỉ năm học}}$$

01 tín chỉ

Trong đó: Tổng học phí năm học = Mức thu học phí 1 sinh viên/ tháng x 10 tháng.

Áp dụng cho năm học 2014-2015:

Lấy mức thu học phí theo niên chế đối với từng khối ngành: Kinh tế=440.000đ/tháng; khối kỹ thuật=520.000 đ/tháng.

- **Đối với nhóm ngành kinh tế hệ cao đẳng chính quy:**

$$\begin{aligned} \text{Học phí đào tạo niên chế} &= 440.000 \text{ đ/ tháng} \times 10 \text{ tháng} \\ &= 4.400.000\text{đ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Học phí 01} \\ \text{tín chỉ} &= \frac{4.400.000 \text{ đ}}{36 \text{ tín chỉ}} \approx 122.000 \text{ đ/ tín chỉ} \end{aligned}$$

- **Đối với nhóm ngành kỹ thuật hệ cao đẳng chính quy:**

$$\begin{aligned} \text{Học phí đào tạo niên chế} &= 520.000 \text{ đ/ tháng} \times 10 \text{ tháng} \\ &= 5.200.000\text{đ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Học phí 01} \\ \text{tín chỉ} &= \frac{5.200.000 \text{ đ}}{36 \text{ tín chỉ}} \approx 144.000 \text{ đ/ tín chỉ} \end{aligned}$$

Cách tính này được áp dụng bắt đầu từ học kỳ I năm học 2014-2015 và sẽ được điều chỉnh bổ sung hoặc thay thế khi có những quy định mới của Chính phủ về điều chỉnh mức học phí.

c. Quy trình thu học phí (Phụ lục 12)

Điều 12. Đăng ký học lại hoặc học đổi khi có kết quả kém

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm dưới 4 phải đăng ký học lại học phần đó tại các lớp học ổn định khác cũng như tại các lớp học độc lập ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm từ 4 trở lên. Sinh viên cần ưu tiên sớm đăng ký học lại các học phần cốt lõi.
2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm dưới 4 phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được đăng ký học lại (nếu là học phần bắt buộc), học lại hoặc học đổi sang học phần khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần bị điểm từ 4,0 dưới 5,5 để cải thiện điểm trung bình chung tốt nghiệp.
4. Điểm của học phần cũ bị hủy khi đã có điểm học phần mới thay thế.
5. Thủ tục đăng ký học, số lần đánh giá bộ phận và thi kết thúc học phần đối với học phần học lại, học đổi cũng giống như đối với một học phần mới.

Quy trình đăng ký thi lại/ thi cải thiện, đăng ký học lại/học cải thiện (theo phụ lục 3)

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế đủ thẩm quyền.

Điều 14. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng tiến độ học, bị cảnh báo kết quả học tập hoặc bị buộc thôi học

Trước khi vào học kỳ mới, nhà trường căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của học kỳ đã qua và điểm trung bình chung tất cả các học phần đã học tính từ đầu khóa học để xét việc học tiếp, việc nghỉ học tạm thời, việc tạm ngừng tiến độ học hoặc bị buộc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở kỳ học hè (nếu có) được tính chung vào kết quả học tập của học kỳ chính kế trước.

1. Sinh viên được học tiếp lên học kỳ sau nếu có đủ các điều kiện dưới đây:

- a) Có điểm trung bình chung học tập của học kỳ từ 5,50 trở lên;
- b) Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 4 tính từ đầu khóa học không quá 18 tín chỉ;

Hội đồng xét học tiếp cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm thư ký và thành viên là một số trưởng các khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác học sinh- sinh viên.

2. Sinh viên được quyền gửi đơn tới Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được động viên vào lực lượng vũ trang ;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế đủ thẩm quyền;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và phải đạt điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học không dưới 5,50. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính

vào thời gian học chính thức tại trường như quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này.

Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải gửi đơn tới Trường phòng Đào tạo ít nhất 6 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hay năm học mới. Trường hợp mục a khoản 2 của Điều này, sinh viên phải nộp thêm giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ.

3. Sinh viên không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 4 và khoản 5 của Điều này phải tạm ngừng tiến độ học để có thời gian củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập.

a) Sinh viên hệ chính quy không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được quyền tạm ngừng tiến độ học tối đa không quá 2 học kỳ cho toàn khóa học đối với các chương trình có thời gian đào tạo dưới 3 năm; không quá 4 học kỳ cho toàn khóa học đối với các chương trình có thời gian đào tạo 3 năm. Sinh viên hệ vừa làm vừa học được phép tạm ngừng tiến độ học tối đa bằng thời gian thiết kế cho toàn khóa học.

b) Trong thời gian tạm ngừng tiến độ học, sinh viên có thể được phòng đào tạo bố trí chuyển qua một lớp học ổn định thích hợp khác và phải ưu tiên đăng ký học lại các học phần chưa đạt nếu là học phần bắt buộc; đăng ký học lại hoặc có thể đăng ký học chuyển qua học phần mới nếu là học phần tự chọn. Trường phòng đào tạo xem xét bố trí cho các sinh viên này được học trước một số học phần của năm học tiếp theo nếu họ đề nghị.

Quy trình tiếp nhận sinh viên trở lại học (theo phụ lục 9)

4. Sinh viên bị Phòng Đào tạo cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học tập của học kỳ dưới 3,00, trừ học kỳ cuối khóa học;

b) Có điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học dưới 3,50 sau 2 học kỳ; dưới 4,00 sau 3 học kỳ; dưới 4,50 sau 4 học kỳ; dưới 5,00 sau 5 học kỳ và dưới 5,30 sau từ 6 học kỳ trở lên;

Sinh viên thuộc diện bị cảnh báo kết quả học tập cũng được xử lý như với trường hợp bị tạm ngừng tiến độ học tập.

5. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp:

- a) Bị cảnh báo kết quả học tập lần thứ hai đối với sinh viên hệ chính quy không thuộc diện chính sách, lần thứ ba đối với sinh viên hệ chính quy diện chính sách và hệ vừa làm vừa học;
- b) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này
- c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 của Điều 28 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường;
- d) Không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Trường;
- e) Rèn luyện kém.

Trường hợp sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại Mục a, b, khoản 5 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua trình độ Cao đẳng nghề, TCCN của Trường đồng thời được bảo lưu kết quả học tập đạt yêu cầu ở chương trình cũ đã học trên cơ sở đề xuất của khoa đào tạo chuyên ngành.

Chậm nhất là một tháng sinh viên có quyết định buộc thôi học phải được phòng CTHSSV thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 15. Ưu tiên trong đào tạo

1. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy được hưởng chế độ ưu tiên trong đào tạo.
2. Sinh viên cao đẳng chính quy thuộc các đối tượng ưu tiên được tạm ngừng tiến độ học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian tạm ngừng học tối đa không bị giới hạn.
3. Trong thời gian tạm ngừng tiến độ học, sinh viên hệ chính quy thuộc đối tượng ưu tiên vẫn được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước.

Điều 16. Học theo tiến độ khác với tiến độ học chung của nhà trường và học cùng lúc hai chương trình

1. Học theo tiến độ chậm:

- a) Sinh viên học theo tiến độ chậm là sinh viên có nhu cầu học chậm so với tiến độ chung của khóa học cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của mình.

b) Các quy định học theo tiến độ chậm:

- Khối lượng học phần tạm rút trong mỗi học kỳ (so với khối lượng học tập tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 11) không được vượt quá 6 tín chỉ đối với sinh viên hệ chính quy, 3 tín chỉ đối với sinh viên hệ vừa làm vừa học và chủ yếu thuộc vào nhóm học phần không cốt lõi;

- Điều kiện để được học tiếp, ngừng tiến độ học hoặc thôi học đối với các sinh viên học theo tiến độ chậm được thực hiện theo quy định tại các khoản 1,3,4 và 5 Điều 14 của Quy định này;

- Thời gian cho toàn khóa học đối với các sinh viên học theo tiến độ chậm không được vượt quá thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học theo tiến độ bình thường quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này;

- Trừ các đối tượng được ưu tiên theo quy định, những sinh viên hệ chính quy học theo tiến độ chậm ở học kỳ nào thì không được hưởng chính sách học bổng ở học kỳ đó.

Quy trình học theo tiến độ chậm (theo phụ lục 7).

2. Học theo tiến độ nhanh:

a) Sinh viên học theo tiến độ nhanh là sinh viên có nhu cầu học nhanh hơn so với tiến độ chung của khóa học để hoàn thành sớm khóa học.

b) Các quy định học theo tiến độ nhanh:

- Chỉ được thực hiện đối với những sinh viên đã học xong học kỳ thứ nhất;

- Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học, không học theo tiến độ chậm và có điểm trung bình chung học tập tính từ đầu khóa học từ 5,50.

- Sinh viên đang được phép học vượt, nhưng nếu có điểm trung bình chung học tập tính từ đầu khóa học đạt dưới 5,50 thì phải dừng học vượt ở học kỳ tiếp theo.

- Sinh viên học vượt được rút ngắn thời gian học ở trường so với thời gian quy định cho toàn khóa học nhưng không được quá một học kỳ đối với chương trình cao đẳng 3 năm;

Quy trình học theo tiến độ nhanh (theo phụ lục 7).

3. Học cùng lúc hai chương trình:

a) Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một số học phần của một chương trình thứ hai ở mỗi học kỳ tại trường đang học để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

b) Các quy định học cùng lúc hai chương trình:

- Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác với ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.

- Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng tiến độ học và có điểm trung bình chung học tập tính từ đầu khóa học đạt từ 5,50 trở lên.

- Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai nếu có điểm trung bình chung học tập tính từ đầu khóa học (chung cho cả hai chương trình) đạt dưới 5,50 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo .

- Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên đăng ký học đồng thời hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

- Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Quy trình học cùng lúc 2 chương trình (theo phụ lục 7).

4. Đối với sinh viên học vượt với thời gian học ngắn hơn, hoặc học đồng thời hai chương trình với thời gian học dài hơn, chế độ học bổng, học phí được thực hiện cho đến khi sinh viên hoàn thành chương trình.

Điều 17. Tiếp nhận sinh viên chuyển trường

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xét chuyển vào trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội nếu thoả mãn các điều kiện sau đây:

a) Cùng trình độ (hoặc cao hơn) và cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội;

b) Được Hiệu trưởng trường xin chuyển đi chấp nhận;

c) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển đến trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường Cao đẳng Công nghiệp - Dệt may Thời trang Hà Nội hoặc có kết quả thấp hơn điểm trúng tuyển của trường Cao đẳng Công nghiệp - Dệt may Thời trang Hà Nội.

b) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

c) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của trường Cao đẳng Công nghiệp - Dệt may Thời trang Hà Nội (theo phụ lục 8).

b) Trường Phòng đào tạo giúp Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình hiện tại của trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Thời trang Hà Nội.

4. Quy trình tiếp nhận sinh viên chuyển trường (Theo phụ lục 8).

CHƯƠNG III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 18. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận; điểm đánh giá công việc thực hiện tại nhà; và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số 60%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do trưởng bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần, trong đó:

- Nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, chuyên cần: 10%:

+ Đi học đủ: 5%

+ Các tiêu chí còn lại: 5%

- Kiểm tra thường xuyên: 15%

- Thi giữa học phần: 15%

- Thi kết thúc học phần: 60%

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Trung bình cộng của các điểm thực hành trong học kỳ, được làm tròn đến 1 chữ số thập phân, là điểm của học phần thực hành.

Học phần thực hành không tổ chức thi kết thúc học phần.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra theo quy định trong đề cương chi tiết học phần, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 19. Điều kiện được dự thi kết thúc học phần, tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết quy định của học phần lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành.

- Tham dự tối thiểu 90% số tiết quy định của học phần thực hành

- Nộp học phí đầy đủ.

Sinh viên nghỉ học quá 20% số tiết quy định của học phần lý thuyết, học phần có cả lý thuyết và thực hành hoặc sinh viên nghỉ quá 10% số tiết quy định của học phần thực hành mà không có lý do chính đáng thì không được dự thi kết thúc học phần và phải học lại học phần đó.

Trường hợp nghỉ trên 20% - 30% của học phần lý thuyết, học phần có cả lý thuyết và thực hành hoặc trên 10%-20% của học phần thực hành mà có lý do chính đáng, sinh viên được học bổ sung kiến thức (sinh viên phải tự liên hệ với giáo viên bộ môn giảng dạy) được dự thi kết thúc học phần (tổ chức cùng đợt thi lại) và chỉ được thi duy nhất 1 lần.

2. Tổ chức thi kết thúc học phần: Cuối học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có điểm học phần dưới 4 sau kỳ thi chính hoặc muốn thi cải thiện điểm. Kỳ thi phụ được tổ chức sau kỳ thi chính ba tuần

Lịch trình thi kết thúc học phần được công bố trong Sổ tay sinh viên được biên soạn cho từng học kỳ.

Khoa/Bộ môn lập danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần, sắp xếp phòng thi. Trung tâm Khảo thí phối hợp với các khoa/bộ môn chuyên môn bố trí cán bộ coi thi theo quy định.

3. Về trách nhiệm CBCT, giám sát phòng thi và sinh viên; trách nhiệm của các phòng, khoa/trung tâm trong tổ chức thi kết thúc học phần (phụ lục 4).

Điều 20. Khiếu nại điểm và sửa điểm

a) Đối với điểm kiểm tra: sinh viên khiếu nại trực tiếp với giảng viên trong vòng 5 ngày làm việc tính từ lúc công bố điểm.

b) Đối với điểm thi kết thúc học phần:

Trong thời hạn 5 ngày làm việc sau khi được thông báo kết quả thi kết thúc học phần, sinh viên được quyền làm đơn xin phúc khảo điểm thi gửi khoa/trung tâm giảng dạy học phần. Khoa/trung tâm cùng với trưởng các bộ môn liên quan có trách nhiệm thực hiện việc phúc khảo điểm bài thi cho sinh viên. Kết quả phúc khảo được thông báo cho sinh viên và các đơn vị liên quan chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo.

c) Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm truy nhập từ hệ thống phần mềm QLĐT (thể hiện trên trang Web hoặc trên bảng điểm), sinh viên có trách nhiệm làm đơn đề nghị phòng đào tạo kiểm tra lại các điểm tương ứng.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình và đề cương chi tiết của học phần. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định xây dựng ngân hàng đề thi.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), bài tập lớn, vấn đáp, viết tiểu luận, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau thi (theo mục 5 trong phụ lục 6).

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên

chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi (mẫu số 2, phụ lục 6).

Điểm học phần phải ghi vào bảng điểm (mẫu số 43.3) và làm thành bốn bản: một bản trả lớp học, một bản lưu tại khoa giảng dạy, một bản gửi cho khoa phụ trách lớp ổn định và một bản gửi về phòng đào tạo của trường (theo quy định tại phụ lục 2).

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng phòng đào tạo cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, được dự thi một lần ở kỳ thi phụ, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Những sinh viên này sẽ không được thi lại nếu thi không đạt trong kỳ thi phụ.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận, kể cả điểm của từng bài thực hành, và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

a) Loại đạt:	Từ 9.0 đến 10.0	Xuất sắc
	Từ 8.0 đến 8.9	Giỏi
	Từ 7.0 đến 7.9	Khá
	Từ 6.0 đến 6.9	Trung bình khá
	Từ 5.5 đến 5.9	Trung bình
	Từ 4.0 đến 5.4	Trung bình yếu

b) Loại không đạt: Dưới 4 Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

Quy trình trả bảng điểm học phần (theo phụ lục 2)

3. Việc xếp loại các mức điểm số (từ 0 đến 10) được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp phải nhận điểm 0 do bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do;
- b) Chuyển đổi từ điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;
- c) Chuyển đổi từ các trường hợp điểm X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm 0 ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm 0.

5. Việc xếp loại ở điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm dài ngày hoặc bị tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trường phòng đào tạo hoặc trường khoa cho phép;
- b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường phòng đào tạo/trường khoa chấp thuận.

Trừ trường hợp a, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển thành điểm số. Nếu không hoàn thành sinh viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu.

6. Việc xếp loại theo điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên. Điểm này cần phải được chuyển thành điểm số trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học và điểm trung bình chung toàn khóa học được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học hoặc điểm trung bình chung khóa học

a_i là điểm của học phần thứ i
 n_i là số tín chỉ của học phần thứ i
 n là tổng số học phần.

2. Không sử dụng điểm của các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất khi tính điểm trung bình chung.
3. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tính từ đầu khóa học để xét thôi học và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.
4. Quy trình gửi bảng điểm tổng hợp và biên bản họp cấp khoa/trung tâm (phụ lục 2)

CHƯƠNG IV XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Làm khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức yêu cầu do từng khoa đề nghị. Khoá luận tốt nghiệp được xem là học phần có khối lượng không quá 5 tín chỉ .

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa học đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Quy định cụ thể về:

a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp (Phụ lục 10);

b) Hình thức và thời gian làm khoá luận tốt nghiệp (Phụ lục 10);

c) Hình thức chấm khoá luận tốt nghiệp (Phụ lục 10);

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm khoá luận tốt nghiệp (Phụ lục 10).

Điều 25. Chấm khoá luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm khóa luận tốt nghiệp do các khoa đề nghị, TT khảo thí tổng hợp. Việc chấm mỗi khóa luận tốt nghiệp phải do 2 giảng viên đảm nhiệm, trong đó có một người là giảng viên hướng dẫn.

2. Điểm của khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 làm tròn đến 1 chữ số thập phân theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 22 của Quy định này. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp khóa luận tốt nghiệp.

Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung của toàn khoa học.

3. Quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp (Phụ lục 11)

4. Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm dưới 5 không được đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp mà phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được viết đơn gửi phòng đào tạo đề nghị trường xét và công nhận tốt nghiệp (mẫu 43.14):

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Học đủ số học phần quy định cho các chương trình đào tạo, không có học phần bị điểm dưới 4;

c) Có điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 5,50 trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng-an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất.

- Thời gian nhận đơn đề nghị công nhận tốt nghiệp:

+ Đơn đề nghị công nhận tốt nghiệp của học kỳ 1 năm học được Phòng đào tạo nhận trong tuần thứ 3 của học kỳ 2 năm học.

+ Đơn đề nghị công nhận tốt nghiệp của học kỳ 2 năm học được Phòng đào tạo nhận trong tuần thứ 3 tính từ thời điểm kết thúc thi kỳ

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là một số trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác học sinh-sinh viên .

- Thời gian xét tốt nghiệp:

Mỗi học kỳ Hội đồng xét tốt nghiệp họp 1 lần, thời gian cụ thể như sau:

+ Xét tốt nghiệp học kỳ 1 năm học được thực hiện vào tuần thứ 5 của học kỳ 2 năm học

+ Xét tốt nghiệp học kỳ 2 năm học vào tuần thứ 5 tính từ thời điểm kết thúc thi kỳ.

Những trường hợp nộp đơn đề nghị công nhận tốt nghiệp chậm so với quy định sẽ được xét tốt nghiệp vào học kỳ sau kế tiếp.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung của toàn khoá học, như sau:

TT	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm trung bình chung học tập (theo thang điểm 10)
1	Xuất sắc	Từ 9,00 đến 10
2	Giỏi	Từ 8,00 đến cận 9,00
3	Khá	Từ 7,00 đến cận 8,00
4	Trung bình khá	Từ 6,00 đến cận 7,00
5	Trung bình	Từ 5,50 đến cận 6,00

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại hoặc học đổi vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ, nếu có.

- Quy định về thời gian cấp xác nhận kết quả học tập và trả bằng cho người học

+ Sau 1 tuần kể từ ngày cuối cùng của đợt nhận đơn xét tốt nghiệp, nếu SV có nhu cầu, nhà trường sẽ cấp bằng kết quả học tập (tạm thời), giấy chứng nhận tốt nghiệp (tạm thời) và phải đóng lệ phí 10.000đ tại phòng Đào tạo.

+ Sau 1 tháng kể từ ngày Hội đồng xét tốt nghiệp họp, nhà trường trả bằng kết quả học tập và bằng tốt nghiệp cho người học.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 26 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo chính khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ các chứng chỉ giáo dục quốc phòng-an ninh và học phần giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận của trường về các học phần đã học trong chương trình. Những sinh viên này có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 5 Điều 14 của Quy định này.

CHƯƠNG V

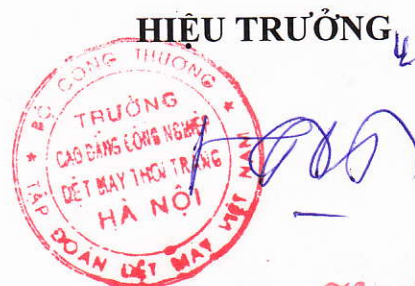
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy định, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm (theo phụ lục 5)

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.



21
Nguyễn Văn Hoàn